

HOẠT ĐỘNG ĐẤU XẢO CỦA THỦ DẦU MỘT THỜI THUỘC PHÁP

Dương Văn Triêm()*

“Đấu xảo” nay gọi là “Hội chợ” hay “Hội chợ triển lãm”, lúc đầu người Pháp dùng từ “*concours*” sau thì dùng “*foire*”, có khi dùng “*exposition*” để gọi. Nhưng có khi “*foire*” và “*exposition*” được dùng chung. Điều lưu ý, những cuộc đấu xảo có tính quốc tế thường dùng “*exposition*”, tính quốc gia (chỉ nội vi Việt Nam) dùng “*foire*”. Còn “*concours*” chỉ phát hiện được dùng một lần ở cuộc đấu xảo canh nông Hà Nội năm 1918.

Nhưng cho dù mang tên gọi gì, được tổ chức ở đâu, vào thời gian nào thì mục đích cơ bản của đấu xảo: giới thiệu và thi đua giữa các sản phẩm với nhau. Trong các sản phẩm đó, có sản phẩm bán và sản phẩm không bán, sản phẩm bán có đề giá.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi nghiên cứu hoạt động tham gia đấu xảo của Thủ Dầu Một thời thuộc Pháp. Ở một số nội dung: cấp độ, thành phần, sản phẩm tham gia và đặc điểm của nó.

Về thời gian nghiên cứu: từ khi thành lập hạt thanh tra (*inspection*) Thủ Dầu Một cho đến 1945.

Trong khoảng thời gian này, mốc thời gian thành lập hạt thanh tra Thủ Dầu Một, chưa thống nhất. Theo “*Địa giới hành chính các tỉnh Nam kỳ thời thuộc Pháp (1895-1954)*” của Nguyễn Đình Tư, viết là ngày 17 tháng 8 năm 1868, tác giả ghi trích nguồn từ BOCF (*Bulletin officiel de la Cochinchine française*). [6, tr. 557]

Do chưa có điều kiện tiếp cận hết nguyên tác BOCF nên chưa biết tác giả Nguyễn Đình Tư có nhầm lẫn gì không. Nhưng khi đối chiếu “*Bulletin du Comité agricole et industriel de la Cochinchine*” trong phần liệt kê các sản phẩm đấu xảo đoạt giải ở Sài Gòn năm 1867, đã thấy có liệt kê phần hạt thanh tra Thủ Dầu Một. [13, tr. 66]

Ở đây, chúng tôi nêu nghi vấn, chưa có điều kiện kiến giải về sự chưa thống nhất trên. Trong bài viết này chúng tôi vẫn đề cập các hoạt động đấu xảo của Thủ Dầu Một từ năm 1867. Và xem năm 1867 là mốc thời gian đầu tiên mà Thủ Dầu Một tham gia đấu xảo với tư cách là đơn vị hành chính cấp hạt thanh tra.

Dựa trên tiến trình phát triển, có thể tạm chia hoạt động đấu xảo ở Thủ Dầu Một thành 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1, từ năm 1867 đến kết thúc chiến tranh thế giới lần thứ nhất;
- Giai đoạn 2, từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất đến năm 1945.

(*) Thạc sĩ, Hội Sử học Đồng Tháp, Email: dvtriem@gmail.com; Điện thoại: 0972. 574 080

1. Giai đoạn thứ nhất

Theo hòa ước Nhâm Tuất, ngày 5 tháng 6 năm 1862, người Pháp được quyền làm chủ 3 tỉnh miền Đông Nam kỳ. Họ bắt đầu xây dựng kinh tế nơi vùng chiếm đóng và tổ chức những hoạt động thương mại đầu tiên, cụ thể là đấu xảo.

Theo Nguyễn Đình Tư [5, tr. 285], đấu xảo được tổ chức đầu tiên chức ở Sài Gòn, ngày 25 tháng 2 năm 1866.

Đấu xảo được tổ chức tại một dãy nhà cây ngói, kho khí cụ của sở thủy quân (*magasins de l'Avalanche*). Nơi này, hiện nay thuộc Thảo cầm viên và phía sau Bảo tàng Lịch sử Việt Nam (TP.HCM). Có khoảng 700 mặt hàng gồm sản phẩm và máy móc nông nghiệp được chở từ Pháp sang, hàng thủ công mỹ nghệ, thú vật... được triển lãm và bày bán.

Ngoài Phó Đô đốc Hải quân De La Grandière còn có Hoàng thân Cam Bốt, quan kinh lược Phan Thanh Giản và các quan của ba tỉnh miền Tây đến tham dự.

Giai đoạn này, Thủ Dầu Một là lý sở của hạt thanh tra Bình An (*sau mới đổi tên thành Thủ Dầu Một*). Bình An có trên 15 chủ sản phẩm tham gia: *Paulus Thi* (Phú Cường), *Nguyễn Văn Châu* (lý sở Thủ Dầu Một)... đạt được 4 mê-đai (*médaille*)¹ bạc, 7 mê-đai đồng.

Ngày 5 tháng 1 năm 1867, Phó Đô đốc hải quân De La Grandière, ký quyết định tổ chức đấu xảo tại Sài Gòn, từ ngày 24 tháng 2 năm 1867 đến tối ngày 2 tháng 3 năm 1867, triển lãm diễn ra 8 ngày.

Thời gian nhận sản phẩm trưng bày diễn ra sớm hơn và được qui định cụ thể cho từng loại: Sản phẩm “không sống”² (*non vivants*) nhận từ ngày 10 tháng 2 đến hết ngày 22; động vật nhận từ ngày 20 tháng 2 đến hết ngày 23.

Kết thúc đấu xảo, Thủ Dầu Một có 17 người đạt mê-đai, từ đồng đến bạc, chưa có vàng. Danh sách người và sản phẩm đạt mê-đai:

Tên người	Sản phẩm đạt mê-đai
Mê-đai Bạc 1 ^{re} (tiền thưởng 200 fr)	
Phan Văn Nhu	Đóng tàu, thuyền (<i>construction de barques</i>)
Paulus Thi	Mía đường (<i>cannes à sucre</i>)

¹ Có 3 loại mê-đai:

- Mê-đai Vàng (*médaille d'or*)
- Mê-đai Bạc (*médaille d'argent*):
 - mê-đai Bạc 1 (*médaille d'argent 1^{re} classe*)
 - mê-đai Bạc 2 (*médaille d'argent 2^e classe*)
 - mê-đai Bạc 3 (*médaille d'argent 3^e classe*)
- Mê-đai Đồng (*médaille bronze*)

² Chưa tìm được từ thay thế phù hợp nên tạm dịch sát theo nghĩa nguyên văn.

Mề-đai Bạc 2 ^e (tiền thưởng 100 fr)	
Paulus Thi	Chuồng ngựa (<i>etables</i>)
Huỳnh Văn Viên	Ngựa giống (<i>etalon</i>)
Mề-đai Bạc 3 ^e (tiền thưởng 50 fr)	
Nguyễn Văn Thiện	Kén tằm (<i>cocons</i>)
Nguyễn Văn Giàu	Sợi dứa (<i>fil d'ananas</i>)
Mề-đai Đồng (tiền thưởng 25 fr)	
Nguyễn Văn Hưng	Lông công (<i>dépouilles de paon</i>)
Võ Văn Tích	Lạc (<i>arachides</i>)
Nguyễn Văn Yên	Hạt điều (<i>rocou</i>)
Paulus Thi	Nhựa (<i>résine</i>)
Nguyễn Văn Sơn	Sợi dệt (<i>matières textiles</i>)
Nguyễn Văn Vân	Cây giống (<i>vergers et arbres</i>)
Nguyễn Bộ Hạp	-nt-
Nguyễn Văn Cui	Tơ tằm (<i>echantillons de soie grége</i>)
Võ Văn Hữu	Ngỗng (<i>oies</i>)
Huỳnh Văn Viên	Thỏ (<i>lapins</i>)
Phạm Văn Lành	Chun đèn gỗ (<i>chandeliers en bois</i>)

Nguồn: tổng hợp [13]

Thống kê mề-đai Thủ Dầu Một đạt so sánh với các hạt khác ở Nam kỳ, chủ yếu là các hạt của 3 tỉnh Đông Nam kỳ, ở Tây Nam kỳ chỉ có Vĩnh Long tham gia.

- Thủ Dầu Một đạt 2 mề-đai bạc 1, xếp trung bình trên tổng số 13 mề-đai của 7 hạt đạt giải này.

Ngoài Thủ Dầu Một còn có: Sài Gòn (4), Chợ Lớn (1), Trảng Bàng (2), Kiến Hòa (1), Biên Hòa (1), Bà Rịa (2). Trong tổng số này, có 5 người Âu: *Larrieu et Cie, Hamonic frères, Renard et Cie, Foillard, Kassubeck*; 2 người nhập tịch Pháp: *Paul Dien, Paulus Thi*; 5 người Việt: *Nguyễn Công Luận, Thái Văn Thông, Trần Văn Sung, Huỳnh Văn Nhỏ, Phan Văn Nhu* và 1 người Hoa: *Wang-tai*³.

- 2 mề-đai bạc 2, xếp trung bình trên tổng số 19 mề-đai của 7 hạt.

Sài Gòn (11), Chợ Lớn (2), Mỹ Tho (1), Kiến Hòa (1), Bà Rịa (1), Thủ Đức (1). Trong tổng số này, có 6 người Âu: *Gsell, Gally, Kalersanni, De Fiennes, Hamonic frères, Luro et Laberon*; 2 người nhập tịch Pháp: *Petrus Ky, Paulus Thi*; 6

³ Chưa đọc được phiên âm tiếng Việt nên giữ nguyên văn.

người Việt: *Nguyễn Tường Văn, Trần Văn Dru, Lê Văn Võ, Trương Văn Quá, Huỳnh Văn Viên, Huỳnh Văn Say* và 3 người Hoa: *Quan Thiết, Phú Ca, Đới Thị*.

- 2 mê-đai bạc 3, xếp hạng thấp trên tổng số 58 mê-đai, của 14 hạt.

Sài Gòn (20), Chợ Lớn (6), Phước Lộc (1), Gò Công (1), Tân An (1), Mỹ Tho (3), Kiến Hòa (4), Kiến Phong (1), Cai Lậy (3), Biên Hòa (1), Bà Rịa (11), Thủ Đức (3), Vĩnh Long (1).

- 11 mê-đai đồng, xếp trung bình trên tổng số 170 mê-đai, của các hạt.

Sài Gòn (46), Chợ Lớn (15), Phước Lộc (3), Gò Công (5), Tân An (3), Trảng Bàng (1), Mỹ Tho (7), Kiến Hòa (10), Kiến Phong (4), Kiến Đăng (3), Biên Hòa (12), Bà Rịa (31), Long Thành (5), Thủ Đức (8), Vĩnh Long (6).

Trong lần đầu xảo này, các mặt hàng Thủ Dầu Một tham gia chủ yếu là thủ công truyền thống, thủ công mỹ nghệ, động vật, sản phẩm nông nghiệp, chưa có lúa gạo và cao su.

Theo “*Bulletin du Comité agricole et industriel de la Cochinchine*” (Tập san của Ủy ban Nông nghiệp và Kỹ nghệ Nam kỳ), năm 1880 [14], ở Thủ Dầu Một xuất hiện những trang trại nông nghiệp (*exploitations agricoles*) với quy mô lớn.

- Trang trại của *Trần Văn Huệ*, làng Tân Khánh (Bình Tiên), có khoảng 4.000 đến 5.000 gốc thuốc lá.

- *Nguyễn Văn Hòa*, diện tích 3 ha, làng Hưng Định (Bình Chánh): 850 cây cà phê, 1.320 hồ tiêu, 3.500 cau, 3.700 trà Huế, 1.455 cacao, 188 vải, 120 măng cụt, 100 cam.

- *Nguyễn Văn Mậu*, làng Bình Nhâm (Bình Chánh): 1000 cây cau, 5.000 mía đường, 1.000 gốc sắn, 2.000 cà phê “trẻ”, 100 gốc tiêu, cacao, vải và nhiều loại cây ăn quả khác.

- *Nguyễn Văn Hê*, làng Bình Nhâm: 3.500 cây cau, 3.500 trà Huế, vải, dừa và nhiều loại cây ăn quả khác.

- *Võ Văn Lâm*, diện tích 1ha 75a, làng An Thạnh (Bình Chánh): 2.000 cây cau và 4.000 gốc trà Huế.

- *Hồ Văn Nhượng* (Bình Nhâm) và *Trần Văn Thân* (Phú Long), trang trại trồng cau, dừa, cà phê, tiêu...

*Hạt tham biện Thủ Dầu Một xứng đáng là một nơi đặc biệt: 25 người bản xứ đủ điều kiện tham gia đầu xảo. Trang trại của tất cả họ, kiểm tra đều đủ điều kiện. Trong các làng được kiểm tra, có một số làng không được đưa vào danh sách dự kiến. Bởi nó không đáp ứng được yêu cầu mà ban tổ chức đầu xảo đặt ra. Nên những đơn vị đó phải cố gắng hoàn thiện để tham gia cho lần sau.*⁴ [14, tr. 42]

⁴ **Nguyên văn:** L'arrondissement de Thủ-dầu-một mérite une mention spéciale: 25 exposants indigènes ont répondu à l'appel qui leur a été fait; presque tous ont présenté des exploitations qui méritaient d'être examinées. Dans les villages parcourus, quelques indigènes, qui n'avaient pas été portés sur les listes, ont demandé à être visités; le règlement de l'Exposition ne le permettait pas;

Số lượng trai tráng là chưa nhiều so với tiềm năng của vùng nhưng nó đã mở ra lối đi mới trong tư vấn đề phát triển sản xuất hàng hóa, góp phần cung cấp nguồn sản phẩm cho hoạt động đầu xảo.

Năm 1889, người Pháp tổ chức đấu xảo quốc tế (*Exposition universelle 1889*), tại Paris. Vừa dịp kỷ niệm 100 năm Cách mạng Pháp vừa tranh thủ “tiếp thị” các vùng thuộc địa mới bình định như Bắc kỳ cũng như đã ổn định như Nam kỳ, Cam Bốt.

Ở Nam kỳ, ngày 27 tháng 5 năm 1889, tàu Le Calédonien khởi hành từ Sài Gòn, với phái đoàn 10 người. Trong đó, đoàn Biên Hòa (*giai đoạn này Thủ Dầu Một là đại lý hành chính (délégation) thuộc hạt tham biện Biên Hòa, từ năm 1888*) có quan cựu ký lục, cùng các quan tri phủ ở Mỹ Tho, Sóc Trăng, thông phán Vĩnh Long, các chánh thông ngôn Châu Đốc, Long Xuyên, thư ký Trà Vinh, các phó cai tổng Cần Thơ, Chợ Lớn và hương sư Tân An.

Để thúc đẩy hơn nữa việc quảng bá, năm 1917, Kinh tế cục Đông Dương (*Agence économique de l'Indochine*) được thành lập tại Paris. Có nhiệm vụ quảng cáo cho xứ Đông Dương bằng cách phát hành sách báo hoặc tổ chức hoạt động đấu xảo.

Trên chủ trương chung đó, năm 1918, theo sáng kiến Toàn quyền Albert Pierre Sarraut, đấu xảo được tổ chức ở Hà Nội (*Concours général agricole de Hanoi 1918*), diễn ra từ ngày 15 đến 19 tháng 12. Từ đây, đấu xảo được tổ chức theo lệ hàng năm ở Hà Nội, thời gian kéo dài khoảng 15 ngày, vào đầu tháng Chạp.

Sản phẩm đấu xảo, phải do chính người chủ sản xuất đăng ký tham gia, có thông tin, địa chỉ cụ thể,... Khi đã thông qua kiểm soát, được đánh dấu “C. A.”. Các sản phẩm dù thuộc loại gì, cũng buộc phải có giấy chứng thực của cơ quan chức năng.

Đấu xảo năm 1918, ngoài việc trưng bày giới thiệu sản phẩm, cũng có phần thi đua giữa các sản phẩm trưng bày như các kỳ đấu xảo trước. Tổng số tiền chi cho việc phát giải thưởng là 8.650 đồng bạc. Nhưng thi đua lần này có điểm khác trước: - Ngoài những giải được tính trên từng sản phẩm trưng bày, còn có giải dành cho những người nào đoạt nhiều giải nhất từ các sản phẩm của mình. - Số tiền thưởng cho cùng loại giải có phân biệt giữa người Tây và người bản xứ: 300\$ cho người Tây, 200\$ cho người An Nam.

Thủ Dầu Một tham gia đấu xảo thường xuyên, gần như liên tục và đủ mọi cấp: *cấp vùng, cấp quốc gia, cấp quốc tế*.

Tuy tham gia thường xuyên và nhiều cấp độ nhưng sản phẩm tham gia chưa có tính ổn định và liên tục. Đơn cử, nếu như đấu xảo 1867, sản phẩm tham gia chủ yếu hàng thủ công truyền thống, mỹ nghệ, động vật, sản phẩm nông nghiệp sang đấu xảo năm 1920, sản phẩm tham gia là gôm sứ.

nul doute qu'ils ne prennent leurs précautions pour se faire inscrire à une prochaine Exposition, si nous en jugeons par l'ardeur avec laquelle ils réclamaient.

Bảng kê các sản phẩm Thủ Dầu Một tham gia đấu xảo năm 1920, tại Hà Nội:

Sản phẩm (<i>produits</i>)	Người tham gia (<i>exposant</i>)	Giá (<i>prix</i>)
Dĩa (<i>assiette</i>)	Vương Mộc (<i>người Hoa, Phước Kiến</i>) Làng Bình Chuẩn	0\$60
Tô (<i>bot</i>)	Trịnh Bắc (<i>người Hoa, Phước Kiến</i>) Làng Bình Chuẩn	0\$60
Chén (<i>tasse</i>)	Nguyễn Thị Rằm (<i>người Việt</i>) Làng Bình Chuẩn	0\$40
Cối (<i>service à bétel en trắc</i>)	Trần Văn Mùi (<i>người Việt</i>) Làng Tuy An	2\$00
Hộp (<i>boite</i>)	-	1\$00
Chun đèn (<i>chandelier</i>)	-	2\$00
Tô (<i>bot</i>)	Vương Khánh (<i>người Hoa</i>) Làng Tân Khánh	0\$20
Chén (<i>tasse</i>)	Vương An (<i>Người Hoa</i>) Làng Tân Khánh	0\$18
Dĩa (<i>assiette</i>)	Quách Nhựt (<i>Người Hoa</i>) Làng Tân Khánh	0\$18
Chén (<i>tasse</i>)	Thân Ký (<i>Người Hoa</i>) Làng Tân Khánh	-

Nguồn: tổng hợp [7]

Ngoài việc sản phẩm tham gia không liên tục, trong năm 1920, số lượng sản phẩm tham gia cũng giảm mạnh chỉ khoảng 10 tên sản phẩm tham gia. Trong đó của người Hoa chiếm 6 còn lại là người Việt. Tính tỉ lệ phần trăm theo đầu người, chiếm 0,009% trên tổng dân số (năm 1920 là 115.205 người) ⁵. Số người tham gia hoạt động đấu xảo chiếm tỉ lệ rất thấp. Việc giảm sút của hoạt động này, chịu ảnh hưởng chung của tình hình thế giới những năm trong và sau chiến tranh (1914-1918).

⁵ Trong đó, gồm 80 người Âu; 97.888 người Việt; 14.080 người Cam Bốt, Lào và Mạ; 1.765 người Hoa, 900 người Minh Hương; 20 người Ấn và 472 người Chăm.

Người Hoa, sản xuất chén, tô đĩa chủ yếu vào mục đích thương mại với mẫu cố định. Các loại gốm làm bằng cao-lanh (*kaolin - đất sét trắng*), nguồn nguyên liệu được đem từ Trung Quốc sang.

Có một số ít người Việt, thường là phụ nữ làm công trong các lò gốm này, giá gia công tính theo sản phẩm:

- Tô “1”, giá từ 0\$07 đến 0\$10;
- Tô “2”, giá từ 0\$05 đến 0\$08;
- Đĩa, giá từ 0\$03 đến 0\$05;
- Chén, giá từ 0\$03 đến 0\$05.

Bảng giá trên đây được tính cho một tá (*douzaine*) thành phẩm loại cơ bản còn những loại khác tùy vào kích thước, chất lượng sản phẩm mà giá công khác nhau.

Ngoài gốm còn có các sản phẩm làm bằng gỗ, thường được chế tác từ các loại gỗ trắc, cẩm lai, gỗ. Tiền công tính trên sản phẩm/cái, không phân biệt loại gỗ hay kiểu sản phẩm, đều đồng giá:

- Cối trắc, giá từ 0\$70 đến 0\$80/cái;
- Hộp trắc, giá từ 0\$70 đến 0\$80/cái;
- Chum đèn, giá từ 0\$70 đến 0\$80/cái.

Giá sản phẩm trừ đi chi phí thuê nhân công (chưa tính phí vật liệu) trung bình một sản phẩm làm ra giá cao gấp đôi phí đầu vào. Nhưng nếu tính thêm phí vật liệu cùng các phí khác thì một sản phẩm thương mại được bán ra với giá thấp, chưa tích lũy lãi nhiều.

Trong khi đó, Thủ Dầu Một là một trong những nơi: “*Nghệ thuật của người bản xứ gồm có chế tác đồng ở Chợ Quán, trong những trường kỹ nghệ chuyên nghiệp ở Biên Hòa, Thủ Dầu Một, nghề gốm ở Thủ Đức (Gia Định) và Cây Mai (Chợ Lớn)*”.⁶ [7, tr. 6]

Và còn là điểm dừng chân trong những tour du lịch trải nghiệm: “*Những khu rừng của Bà Rịa, Biên Hòa, Tây Ninh và Thủ Dầu Một là nơi lý tưởng cho khách du lịch săn bắn hoặc hổ, báo, voi, gấu, bò rừng hay bắt gặp nai, heo, hưu và những động vật nhỏ hơn có lông vũ khác*”.⁷ [7, tr. 7]

Tiềm năng của Thủ Dầu Một chưa được khai thác đúng mức để phục vụ cho đầu vào – quảng bá thương mại. Chưa gắn kết được giữa sản xuất và quảng bá nên hiệu quả thực tế chưa cao, từ số lượng người tham gia đến giá trị kinh tế mang lại sau đầu vào.

⁶ **Nguyễn văn:** Les arts indigènes sont pratiqués dans les fonderies de cuivre à Cho-quan, dans les écoles professionnelles de Biên-hoa, de Thu dầu môt, les poteries de Thuduc (Gia-dinh) et de Caymai (Cholon).

⁷ **Nguyễn văn:** Les forêts de Baria, Bienhoa, Tayninh et Thudaumot offrent aux touristes des chasses intéressantes où le tigre, la panthère, l'éléphant, l'ours, le bœuf sauvage, l'auroch se rencontrent avec des cerfs, des sangliers, des chevreuils et d'autres animaux à poils de plus petites tailles.

2. Giai đoạn thứ hai

Trong bối cảnh chiến tranh Thế giới thứ nhất vừa kết thúc, Nhằm khôi phục hào quang của Pháp thông qua cổ động một hình ảnh một đế quốc toàn diện. Năm 1922, tổng thống mới đắc cử chỉ định tiến hành tổ chức đấu xảo thuộc địa, tại Marseille.

Marseille, cảng lớn nhất và là cửa ngõ của Pháp với thuộc địa ở châu Phi và Á, 22% lượng hàng nhập khẩu và 40% xuất khẩu thông qua cảng này.

Trong cùng năm này, ở Hà Nội cũng tổ chức đấu xảo diễn ra từ ngày 17 đến ngày 31 tháng 12.

So với thời gian đầu (1870), diện tích đất nông nghiệp Thủ Dầu Một là 1.092ha 29a ⁸ đến giai đoạn này (1922) gần 37.000 ha. Trong khoảng 50 năm tăng gấp mấy mươi lần, tính trung bình tăng 600ha/năm, bình quân đầu người trên diện tích đất canh tác 0,3ha/người (*khoảng 3 công Nam bộ*).

Diện tích đất canh tác thay đổi, tác động không nhỏ đến cơ cấu sản phẩm nông nghiệp. Vì vậy, sản phẩm đấu xảo của Thủ Dầu một, giai đoạn này có những thay đổi (năm 1922).

Trước hết là thóc lúa (*paddy*) có 10 sản phẩm làng Tân Thới tham gia, có chủ tham gia 2 tên sản phẩm: *Đỗ Văn Tốt, Lưu Văn Ngoat (2), Lưu Văn Hôn (2), Phan Văn Khỏe (2), Cao Văn Minh (2), Đỗ Văn Tài*, trung bình sản xuất 15.000 tấn mỗi năm.

Giá gạo, không có sự chênh lệch lớn giữa các loại. Bảng giá gạo được trưng bày của Hón Quán ⁹:

Tên gạo (riz)	Giá (prix)
Gạo Ba Ron	2\$00/ 1 gạ
Gạo Ba De	
Gạo Ba Duc	
Gạo Bac Ron	
Gạo Ba Tập	
Gạo Ba Chut	1\$70
Gạo Ba Dương	1\$80
Gạo Ba Nhựt	1\$70

⁸ - Ruộng điền (*rizières*): 572ha 20a; - Mía đường (*cannes à sucre*), trầu (*bétel*), dâu tằm (*mûriers*): 158ha 57a; - Cau (*aréquier*), dừa (*cocotiers*): 154ha 54a; - Vườn (*jardins*), rau (*légumes*), đậu phộng (*arachides*): 206ha 98a.

⁹ Do nguyên văn tiếng Pháp, ghi các giống gạo không dấu, chúng tôi chưa có tài liệu đối chiếu nên một số tên gạo ghi theo nguyên văn.

Gạo Ba Ngo	1\$60
Gạo Xiêm O	1\$80
Gạo Xiêm Bot	2\$00

Nguồn: tổng hợp [4]

Ngoài lúa gạo, còn có mủ cao su của Công ty Đồn điền Việt Hallet (*Société Plantation annamite Hallet*), làng Tân Thới (Bình Chánh) sản xuất 360 tấn/năm.

Các loại gỗ: *cắm lai, trác, sao đen, vên vên, cam, gọ mật...* và các sản phẩm từ gỗ, sản phẩm đúc đồng.

Các sản phẩm khác: *vải đen* (Lý Tài), *cà phê* (Trần Thắm), *cối xay đường* (Lê Văn Mông), *rổ - nia* (Đặng Thị Phụng), *thúng* (Nguyễn Văn Tính), *chiếu* (Đỗ Thị Lựu), *đậu phộng* (Nguyễn Thị Hai), *thuốc lá* (Trần Văn Hạnh), *cày đất* (Trần Văn Nhơn), *xe bò* (Nguyễn Văn Mật), *búa* (Phan Văn Vây), *cuốc* (Bùi Văn Thôn), *nôm* (Võ Văn Chân), *đòn cò* (Nguyễn Văn Dương), *phản* (Lương Văn Tánh), *dao* (Nguyễn Văn Nhứt), *cúp* (*nguyên văn: coupe-coupe môi*) của người Mạ (Bù Đốp)...v.v

Nhìn chung, sản phẩm tham gia đấu xảo của Thủ Dầu Một giai đoạn từ sau chiến tranh thế giới, phong phú, đa dạng đủ các loại, từ nông nghiệp, lâm sản, hàng thủ công mỹ nghệ và thủ công truyền thống. Nhưng giai đoạn này, tuy sản phẩm có phần phong phú hơn giai đoạn trước chiến tranh nhưng vẫn chưa có tính ổn định và liên tục. Bảng thống kê một số sản phẩm tham gia đấu xảo ở Hà Nội trong 3 năm liên 1923, 1924, 1925, sẽ thể hiện rõ điều này.

Trong bảng chúng tôi không liệt kê tất cả các sản phẩm tham gia đấu xảo của 3 năm, chỉ liệt kê những sản phẩm tiêu biểu, để làm cơ sở đối chiếu.

* Năm 1923

Sản phẩm (produits)	Người tham gia (exposant)	Làng (village)
Thóc lúa (paddy)	Mai Văn Y	An Thạnh (Bình Chánh)
	Đỗ Văn Chà	-nt-
	Nguyễn Văn Gia	-nt-
	Đỗ Văn Tuy	-nt-
	Lê Văn Phân	-nt-
Cao su (caoutchouc)	Ông Yêm	-
	M.Giovangsili	An Hòa
Cà phê (café)	-	Tân Thới (Bình Chánh)
Thuốc lá (tabac)	Nguyễn Văn Tài	Tân Khánh (Bình Thiện)
	Trần Văn Tiêu	-nt-

	Bùi Văn Xe	-nt-
	Nguyễn Văn Bên	<i>Hòa Nhứt</i> (Bình Thiện)
	Thái Văn Quan	-nt-

Trường Mỹ nghệ bản xứ Thủ Dầu Một (*École d'Art indigène de Thudaumot*), sản phẩm chế tác từ gỗ 15, chế tác từ đồng 31.

*** Năm 1924**

Sản phẩm (produits)	Người tham gia (exposant)	Làng (village)
Thóc lúa (paddy)	Võ Văn Thành	<i>An Thạnh</i> (Bình Chánh)
	Nguyễn Văn Xoay	-nt-
	Nguyễn Văn Là	-nt-
	Nguyễn Văn Cân	-nt-
	Trần Văn Qui	-nt-
	Nguyễn Văn Đây	-nt-
	Nguyễn Văn Lang	-nt-
	Võ Văn Ngân	<i>Bình Đáng</i> (Bình Chánh)
Thóc lúa nếp (paddy gluant)	Lư Văn Sâm	<i>An Thạnh</i> (Bình Chánh)
	Võ Văn Chúc	-nt-
Cao su (caoutchouc)	Đồn điền ¹⁰ Quản Lợi	Hón Quản
	Đồn điền Xa Cam- An Lộc	-nt-
	Đồn điền Xa Trach	-nt-
	Đồn điền Lộc Ninh	-nt-
Cà phê (café)	-không tham gia-	

¹⁰ “Đồn điền” được dịch từ “*plantation*”, trong bài viết này chúng tôi sử dụng theo cách dịch phổ biến để tiện theo dõi.

Nhưng theo ý kiến của chúng tôi nếu dịch như thế dễ gây nhầm lẫn với đồn điền dưới triều Nguyễn. Trong khi lối canh tác mới này không những khác nhau về tính chất và mà cả về phương thức so với đồn điền trước đó.

Trong khi, các “đồn điền” thời Nguyễn được người Pháp vẫn gọi là “đồn điền”. Đơn cử như trong “*Sur les anciens đồn điền Annamites dans la Basse-Cochinchine*” (Trên các đồn điền xưa của người An Nam ở Nam Kỳ) [3, tr. 133-136], được E.Deschaseaux, Chánh Tham biện (Administrateur des affaires indigènes), gọi các đồn điền thời Nguyễn là “đồn điền”, không dịch sang Pháp ngữ, chú thích “*Colonies militaires annamites*”, nghĩa là “Khu dân cư có quân sự của người An Nam”.

Nên ở đây theo chúng tôi nên dịch: “*plantation*” là “*nông trường*”. Cách dịch này, có thể phù hợp với thực tế lịch sử, làm rõ được sự chuyển biến trong kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam thời Pháp thuộc.

Thuốc lá (tabac)	Đỗ Văn Đam	<i>Tân Khánh</i> (Bình Thiện)
	Đỗ Văn Nội	<i>Hóa Nhứt</i> (Bình Thiện)
	Huỳnh Văn Liêu	<i>Bình Chuẩn</i> (Bình Thiện)

Trường Mỹ nghệ bản xứ Thủ Dầu Một, không tham gia.

*** Năm 1925**

Sản phẩm (<i>produits</i>)	Người tham gia (<i>exposant</i>)	Làng (<i>village</i>)
Thóc lúa (paddy)	Võ Văn Tư	An Thạnh (Bình Chánh)
	Mai Văn Y	-nt-
	Quách Văn Moi	-nt-
	Nguyễn Văn Phẩm	-nt-
	Nguyễn Văn Xoay	-nt-
	Nguyễn Văn Là	-nt-
Cao su (caoutchouc)	-không tham gia-	
Cà phê (café)		
Thuốc lá (tabac)		

Trường Mỹ nghệ bản xứ Thủ Dầu Một, không tham gia.

Nguồn: tổng hợp [8, 9, 10]

Qua bảng thống kê, thấy có 2 điểm nổi lên phản ánh tình hình đầu xảo ở Thủ Dầu Một từ sau chiến tranh thế giới:

- Chủ sản phẩm tham gia có biến động, ngoài một số ít chủ: *Mai Văn Y*, *Nguyễn Văn Xoay*, *Nguyễn Văn Là*... tham gia đầu xảo có tính liên tục còn lại không liên tục. Người Việt là thành phần tham gia đầu xảo chủ yếu, người Âu và Hoa tham gia ít về số lượng, lại không thường xuyên, liên tục.

- Nếu như ở giai đoạn trước, thóc lúa chưa được đưa vào đầu xảo thì giai đoạn này tham gia thường xuyên. Các sản phẩm khác: *cao su*, *cà phê*, *thuốc lá*, tham gia không liên tục.

Vấn đề này cho thấy tính tự phát, thiếu định hướng trong chiến lược phát triển lâu dài các sản phẩm tham gia đầu xảo. Việc tạo ra sản phẩm chủ lực, mang tính đặc trưng của địa phương nhằm quảng bá và tăng tính cạnh tranh thương mại chưa được chú trọng.

Hiệu quả kinh tế mang về từ những hoạt động xuất khẩu là không cao. Giá trị hàng xuất khẩu (*exportations*) của thuộc địa Pháp so với một số nước khác ở Châu Á (1929) sẽ chứng minh nhận định này (Đơn vị: tính theo đồng Fr):

- Hồng Công

632.302.513

- Pháp	488.061.694
- Thuộc địa Pháp	37.170.179
- Trung Quốc	58.838.211
- Singapore	269.467.551
- Nhật Bản	156.402.454
- Xiêm	6.534.660
- Philippin	56.120.221

Trong 8 nước, khu vực được liệt kê thì khu vực “*thuộc địa Pháp*” đứng hàng gần như là thấp nhất chỉ xếp trên Xiêm. Tình hình này có tác động đến hoạt động đầu xảo của xứ thuộc địa.

Thủ Dầu Một cũng chịu chung số phận đó, trong khi số lượng đồn điền và các công ty hoạt động sản xuất kinh tế ở đây không hề nhỏ. Theo số liệu năm 1933-1934 [11] có khoảng 105 công ty, đồn điền, chủ sở hữu hoạt động (người Âu chiếm hơn 50%). Nhưng số người, đơn vị tham gia đầu xảo - hoạt động thương mại là rất khiêm tốn chỉ chiếm khoảng 14%.

Lý giải cho nghịch lý này, có lẽ hoạt động đầu xảo thiếu thu hút. Mặt khác, sản phẩm sản xuất tại Nam kỳ thuộc địa nói chung và Thủ Dầu Một nói riêng chủ yếu là sản phẩm thô. Sau đó, chuyển hết về chính quốc Pháp để chế biến tinh và xuất khẩu qua ngạch chính quốc, xuất khẩu qua ngạch thuộc địa là rất hạn chế.

Hoạt động đầu xảo, nhìn ở góc độ nào đó như là “*trò tiêu khiển*” của chính quyền thuộc địa. Nó không làm thay đổi căn bản nền sản xuất thuộc địa và phụ thuộc. Tính chất nông dân trong hoạt động đầu xảo vẫn còn rất rõ: tự phát, nửa vùi, sản xuất nhỏ lẻ, định hướng chuyên môn hóa và tư duy sản xuất hàng hóa chưa cao. Đồng thời, sự độc quyền trong xuất khẩu của chính quyền thuộc địa, sự bấp bênh trong đầu ra của sản phẩm là nguyên nhân cơ bản của sự không ổn định, không liên tục của các chủ và sản phẩm tham gia đầu xảo.

Tình trạng tham gia hoạt động đầu xảo và xuất khẩu như thế, các năm tiếp theo sau vẫn tương tự không có chuyển biến nhiều./.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Thế Anh (2017), *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, Nhà xuất bản Văn hóa – Văn nghệ.
2. Trần Đức Cường (chủ biên) (2016), *Lịch sử hình thành và phát triển vùng Nam bộ (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
3. Cochinchine française (1889), *Excursions et reconnaissances, N°31 (en 1889)*, Imprimerie Coloniale, Saigon.
4. Cochinchine française (1922), *Catalogue officiel des produits de la Cochinchine présentés à la Foire de Hanoi 1922*, Imprimerie commerciale, Saigon.

5. Nguyễn Đình Tư (2016), *Chế độ thực dân Pháp trên đất Nam kỳ, tập 2*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Đình Tư (2017), *Địa chí Hành chí các tỉnh Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1859-1954)*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM.
7. Gouvernement de la Cochinchine (1920), *Catalogue Produits de la Cochinchine présentés à la Foire de Hanoi de 1920*, Hanoi, Imprimerie d'Extrême - Orient.
8. ? (1923), *Nomenclature des produits de la Cochinchine, présentés à la foire de Hanoï de 1923*, Imprimerie Tonkinoise, Hanoi.
9. ? (1924), *Nomenclature des produits de la Cochinchine, présentés à la foire de Hanoï de 1924*, Décembre MCMXXIV, Hanoi.
10. ? (1925), *Nomenclature des produits de la Cochinchine, présentés à la foire de Hanoï de 1925*, Décembre MCMXXIV, Hanoi.
11. ? (1933), *Indochine adresses 1^{re} 1933-1934*, Imprimerie Albert portail, Saigon.
12. ? (1918), *Concours général agricole de Hanoi 1918*, Tòa đốc lý, Hà Nội.
13. ? (1875), *Bulletin du Comité agricole et industriel de la Cochinchine 1865*, Imprimerie administrative de Paul du Pont, Paris.
14. ? (1882), *Bulletin du Comité agricole et industriel de la Cochinchine 1880*, Challamel Ainé, Paris.